

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NGÂN SƠN  
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13/2020/HS-ST**  
Ngày: 07-7-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGÂN SƠN, TỈNH BẮC KẠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Út Lệ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Chu Văn Sín;

2. Ông Triệu Xuân Nguyên.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lý Sinh Hà – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Hải Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2020, tại Sân đình chợ xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai lưu động vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2020/TLST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

**Triệu Văn H** (Tên gọi khác: Không có), sinh ngày 12 tháng 7 năm 1991 tại huyện T, tỉnh Cao Bằng. Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: Thôn C, xã M, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 6/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Triệu Văn B, sinh năm 1966 và bà Triệu Thị N, sinh năm 1966; Bị cáo có vợ là Triệu Thị M, sinh năm 1996 và 01 con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/02/2020 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Kạn. (Có mặt tại phiên tòa).

**- Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Sầm Đức T - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn (Có mặt).

**- Người làm chứng:** Anh Di Mạnh C, sinh năm 1985 - Trú tại: Khu C, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (Vắng mặt không có lý do).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 09 giờ 45 phút ngày 25/02/2020 tại nhà ông Triệu Văn H1, sinh năm 1975 thuộc Thôn P, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, tổ công tác điều tra tội phạm về ma túy Công an huyện N đang làm nhiệm vụ đã phát hiện và bắt quả tang Triệu Văn H, sinh năm 1991, trú tại Thôn C, xã M, huyện T, tỉnh Cao Bằng đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Tang vật thu giữ bao gồm: 07 (bảy) gói chất bột màu trắng nghi là heroine trong đó: 01 (một) gói bên trong chứa các cục chất bột màu trắng được gói bằng hai lớp nilon, lớp bên trong màu đen, lớp bên ngoài không màu; 01 (một) gói bên trong chứa chất bột màu trắng dạng nén, đã bị vỡ vụn được gói bằng hai lớp nilon, lớp bên trong màu xanh dương, lớp bên ngoài không màu và 05 (năm) gói nhỏ bên trong chứa chất bột màu trắng được gói bằng một lớp giấy mặt bên trong màu trắng, mặt bên ngoài có họa tiết tại dưới lõi chần bông mà Hưng dùng để gói đầu khi đang nằm trên gác xép nhà ông Triệu Văn H1 (niêm phong trong phong bì ký hiệu H1), 03 (ba) điện thoại di động, 01 (một) đồng hồ đeo tay và số tiền 620.000đ (sáu trăm hai mươi nghìn đồng).

Tại Biên bản mở đóng niêm phong cân xác định khối lượng hồi 13 giờ 20 phút ngày 25/02/2020 xác định: Phong bì niêm phong ký hiệu H1 bên trong có 07 (bảy) gói nhỏ chất bột màu trắng. Cân riêng số chất bột màu trắng có khối lượng 4,15g (bốn phẩy một năm gam), niêm phong trong 01 (một) phong bì mới gửi giám định ký hiệu V1.

Tại Kết luận giám định số 48/KTHS-MT ngày 28/02/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn kết luận: “Mẫu chất bột màu trắng trong phong bì ký hiệu V1 gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có khối lượng là 4,15g (bốn phẩy một năm gam)”.

Quá trình điều tra, truy tố, Triệu Văn H khai nhận: 07 (bảy) gói nhỏ ma túy mà cơ quan công an thu giữ khi bắt quả tang là ma túy (heroine) do H mua về để sử dụng cá nhân và để bán cho các đối tượng nghiện khác khi họ hỏi mua. Cụ thể, khoảng 07 giờ sáng, ngày 25/02/2020, khi H đang ở nhà ông Triệu Văn H1, sinh năm 1975, trú tại Thôn P, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn thì có một người đàn ông tên Đ (H không biết họ, tên đệm chỉ biết nhà Đ ở Thôn P, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn) đi xe máy đến nhà ông H1 rủ H đi phát rừng cùng. Tại đây H đã nhờ và đưa cho Đ số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng) để Đ mua ma túy cho H. Đ đồng ý rồi cầm số tiền trên và đi tìm mua ma túy cho H. Khoảng 20 phút sau, Đ quay lại đưa cho H 01 (một) gói nhỏ ma túy tại lề đường Quốc lộ 3 phía dưới nhà ông H1 thuộc Thôn P, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn rồi Đ đi đâu, làm gì thì H không rõ. Sau đó,

H một mình lên gác xép nhà ông H1 trích một phần số ma túy vừa mua được ra để bản thân sử dụng và chia số ma túy còn lại ra thành 08 (*tám*) gói nhỏ ma túy và để dưới lõi chăn bông cuộn làm gói tại chỗ nằm ngủ của H. Đến 09 giờ sáng ngày 25/02/2020 thì có một người đàn ông tên C khoảng 35 tuổi (*H không biết họ, tên đệm*) nhà ở khu vực xã B đến nhà ông H1 gặp H và hỏi mua ma túy với H. Tại đây H đã bán cho C 01 (*một*) gói nhỏ ma túy với số tiền 50.000đ (*năm mươi nghìn đồng*), tuy nhiên do C không có tiền nên đã đưa cho H 01 (*một*) chiếc đồng hồ đeo tay của C để lấy ma túy về sử dụng. Đến 09 giờ 45 phút ngày 25/02/2020, khi H đang nằm trên gác xép nhà ông H1 thì bị cơ quan công an bắt quả tang.

Ngoài ra, H còn khai nhận, trước đó vào khoảng 12 giờ trưa ngày 24/02/2020, H được bán ma túy cho một người đàn ông tên T, khoảng 40 tuổi (*H không biết họ, tên đệm, chỉ biết người tỉnh Lạng Sơn quen biết từ trước do từng làm ăn ở Lạng Sơn*) 01 (*một*) gói nhỏ ma túy với số tiền 100.000đ (*một trăm nghìn đồng*) tại lề đường Quốc lộ 3 phía dưới nhà ông H1 thuộc Thôn P, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Nguồn gốc số ma túy H có để sử dụng và bán cho T là do trước đó H mua với 01 (*một*) người đàn ông H không biết tên, tuổi, địa chỉ ở lề đường Quốc lộ 3 thuộc Thôn P, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn vào khoảng 07 giờ sáng ngày 24/02/2020.

Tại cơ quan điều tra, Di Mạnh C, sinh năm 1985, trú tại Khu C, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn đã khai nhận bản thân được mua 01 (*một*) gói nhỏ ma túy với Triệu Văn H để sử dụng vào ngày 25/02/2020 và phù hợp với lời khai của H.

Tại bản cáo trạng số 14/CT-VKSNS, ngày 04 tháng 6 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Triệu Văn H về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

#### *Tại phiên tòa:*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Triệu Văn H phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Áp dụng khoản 1 Điều 251, Điều 38, điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo từ 02 đến 03 năm tù, được trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/02/2020 đến nay.

Về xử lý vật chứng trong vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (*một*) phong bì đã niêm phong mẫu hoàn trả vụ Triệu Văn H (1991) tàng trữ trái phép chất ma túy ký hiệu T48; 01 (*một*) phong bì đã niêm phong nilon cũ và phong bì niêm phong cũ thu giữ của Triệu Văn H, ký hiệu V2; 01 (*một*) đồng hồ đeo tay màu vàng, nhãn hiệu LEIYI đã qua sử dụng.

- Trả lại cho Triệu Văn H 03 (ba) điện thoại di động và số tiền 620.000đ (*Sáu trăm hai mươi nghìn đồng*) đã thu giữ của Triệu Văn H.

Không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo có bản bào chữa nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, đề nghị xem xét việc bị cáo lần đầu phạm tội, là người dân tộc thiểu số, gia đình thuộc hộ nghèo, hiểu biết pháp luật hạn chế, sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Xử phạt bị cáo mức thấp nhất của khung hình phạt là 02 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn toàn bộ án phí cho bị cáo.

Bị cáo Triệu Văn H khai nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố và nhất trí với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên, bản bào chữa của người bào chữa; Bị cáo không có ý kiến tranh luận, bổ sung bào chữa hay khiếu nại gì. Lời sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm được trở về với gia đình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa cho bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo

Do nghiện ma túy và hám lời nên Triệu Văn H, sinh năm 1991, trú tại: Thôn C, xã M, huyện T, tỉnh Cao Bằng đã có hành vi mua ma túy (*heroine*) về để sử dụng và bán cho các đối tượng nghiện khác, cụ thể: Khoảng 09 giờ sáng ngày 25/02/2020, H bán cho Di Mạnh C, sinh năm 1985, trú tại Khu C, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn 01 (*một*) gói nhỏ ma túy với số tiền 50.000đ (*năm mươi nghìn đồng*), tuy nhiên do C không có tiền nên đã đổi 01 (*một*) chiếc đồng hồ đeo tay của C lấy ma túy với H để sử dụng. Ngày 25/02/2020 khi H đang cất giữ 07 (*bảy*) gói nhỏ ma túy (*heroine*) có khối lượng 4,15g (*bốn phẩy một năm gam*) nhằm mục đích sử dụng và bán thì bị phát hiện thu giữ toàn bộ tang vật.

Bản thân bị cáo đã sử dụng ma túy và biết được tác hại của ma túy. Mặc dù nhận biết được tác hại của ma túy nhưng bị cáo vẫn mua và bán ma túy cho người nghiện để có tiền tiếp tục sử dụng ma túy. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến sự độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, chính trị tại địa phương, làm gia tăng tỷ lệ người nghiện ma túy trong cộng đồng, phát sinh nhiều tệ nạn nguy hiểm xã

hội và các hành vi vi phạm pháp luật khác. Việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N ra quyết định khởi tố vụ án, tiến hành điều tra và Viện kiểm sát nhân dân huyện N quyết định truy tố bị cáo trước Tòa án để xét xử về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng quy định của pháp luật, đúng với diễn biến khách quan của vụ án, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội.

Người bào chữa tại phiên tòa đã đưa ra được những chứng cứ chứng minh về các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo và các chứng cứ khác nhằm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xét thấy bản bào chữa của người bào chữa có căn cứ và cơ sở pháp luật, do vậy cần chấp nhận.

### [3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại điều 52 Bộ luật tố tụng hình sự;

Trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của bản thân, trong quá trình điều tra bị cáo đã tự mình khai nhận trước đó còn được bán ma túy cho C. Do vậy, bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ là “*Người phạm tội tự thú*” và “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

### [4] Về hình phạt đối với bị cáo

- Về hình phạt chính: Với tính chất vụ án và mức độ của hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử thấy cần phải xử phạt bị cáo ở mức hình phạt tương ứng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện, cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt và phòng ngừa chung cho xã hội.

- Hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền quy định tại khoản 5 Điều 251 của Bộ luật. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, là người nghiện ma túy, gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Chính phủ do đó không xem xét áp dụng.

### [5] Về xử lý vật chứng trong vụ án

- Tang vật của vụ án là 01 (*một*) phong bì đã niêm phong mẫu hoàn trả vụ Triệu Văn H (1991) tàng trữ trái phép chất ma túy ký hiệu T48 chứa ma túy là vật cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 (*một*) phong bì đã niêm phong nilon cũ và phong bì niêm phong cũ thu giữ của Triệu Văn H, ký hiệu V2 là xét không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 (*một*) đồng hồ đeo tay màu vàng, nhãn hiệu LEIYI đã qua sử dụng là tài sản do trao đổi mua bán ma túy mà có, xét không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy.

- 03 (*ba*) điện thoại di động thu giữ của Triệu Văn H đều không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

- Tiền mặt: 620.000đ (*Sáu trăm hai mươi nghìn đồng*) thu giữ của bị cáo xét không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo

[6] Về án phí: Bị cáo thuộc diện hộ nghèo, là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ và có đơn xin miễn án phí, do vậy bị cáo được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Đối với người đàn ông tên Đ (*H không biết họ, tên đệm*) nhà ở Thôn P, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn theo lời khai của H là người đã đi mua ma túy cho H vào sáng ngày 25/02/2020. Quá trình điều tra, xác minh Đ có tên thật là Lý Ngọc G, sinh năm 1981, trú tại Thôn P, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Tuy nhiên trong quá trình điều tra, xác minh Đ không có mặt tại địa phương, đi đâu làm gì không rõ. Nên Cơ quan điều tra sẽ tách hồ sơ để điều tra, xác minh xử lý sau.

Đối với đối tượng có tên T (*H không rõ họ, tên đệm*) người tỉnh Lạng Sơn theo lời khai của H là người H đã bán cho 01 (*một*) gói nhỏ ma túy vào ngày 24/02/2020. Tuy nhiên, do không xác định được nhân thân, địa chỉ cụ thể của T nên Cơ quan điều tra không có đủ cơ sở điều tra làm rõ hành vi mua bán trái phép chất ma túy này của H. Cơ quan điều tra sẽ tách hồ sơ để điều tra, xác minh xử lý sau.

Đối với Di Mạnh C là người mua ma túy (*heroine*) với Triệu Văn H để sử dụng cá nhân. Sau khi mua được ma túy đã sử dụng hết nên không có căn cứ để xác định khối lượng. Xét hành vi của C không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý.

Đối với người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ theo lời khai của H là người đã bán ma túy cho H vào sáng ngày 24/02/2020. Kết thúc điều tra, H không cung cấp được danh tính, địa chỉ cụ thể nên không đủ căn cứ điều tra, xử lý.

Đối với Triệu Văn H1 là người cho Triệu Văn H ở nhờ. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định ông H1 chỉ cho H ở nhờ, không cho phép H sử dụng ma túy và thực hiện hành vi vi phạm pháp luật khác trong nhà của mình. Việc H sử dụng, tàng trữ, mua bán ma túy ông H1 không biết. Do vậy cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý đối với Triệu Văn H1.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Căn cứ khoản 1 Điều 251, Điều 38, điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo Triệu Văn H phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*".

Xử phạt bị cáo 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo 25 tháng 02 năm 2020.

**2.** Về xử lý vật chứng trong vụ án: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

2.1. Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) phong bì đã niêm phong ký hiệu T48, mặt trước ghi vụ: Triệu Văn H (1991) tàng trữ trái phép chất ma túy; mặt sau có 03 (ba) chữ không đọc được và 02 (hai) dấu tròn đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn ở nơi giáp lại.

- 01 (một) phong bì đã niêm phong, mặt trước có ghi giấy gói cũ, lớp nilon gói cũ và phong bì niêm phong cũ thu giữ của Triệu Văn H ngày 25/02/2020, phong bì ký hiệu V2; mặt sau có 04 (bốn) chữ không đọc được, 02 (hai) chữ Hưng, 02 (hai) dòng chữ Triệu Văn H, 01 (một) dòng chữ Mã Viết L, 01 (một) dòng chữ Hoàng Hải T, 01 (một) dòng chữ Hoàng Văn V, 01 (một) dòng chữ Chu Thanh T và 02 (hai) dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT Công an huyện N, tỉnh Bắc Kạn ở nơi giáp lại.

- 01 (một) đồng hồ đeo tay mặt hình tròn, có quai đeo bằng kim loại mạ màu vàng đã bị phai màu, nhãn hiệu LEIYI cũ đã qua sử dụng, tình trạng không hoạt động, không còn chốt điều chỉnh thời gian.

## 2.2. Trả lại cho bị cáo Triệu Văn H:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Coolpad màn hình cảm ứng màu đen đã bị nứt vỡ, viền và mặt sau màu xám, IMEI1: 864383040151149, IMEI2: 864383040121399, trong máy gắn sim số thuê bao 0819897230, trên mặt sim có số 898404800007655981, mặt sau có ốp nhựa màu vàng ố, máy cũ đã qua sử dụng, hiện nay đã hết pin không bật nguồn được.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu itel màn hình cảm ứng màu đen, màn hình góc trên bên trái bị nứt vỡ, viền và mặt sau màu tím, IMEI1: 357351100530308, IMEI2: 3573511005303016, trong máy gắn sim số thuê bao: 0334126057, trên mặt sim có số: 8984048000051931097, mặt sau có ốp nhựa cứng màu trắng, máy cũ đã qua sử dụng, hiện nay đã hết pin không bật nguồn được.

- 01 (một) điện thoại di động Masstel có bàn phím bấm và viền màu đen, phần còn lại màu xanh tím than, IMEI1: 353535062761984, IMEI2: 353535062761992, trong máy gắn sim số thuê bao: 0962590092, trên mặt sim có số: 8984048000076440750, máy cũ đã qua sử dụng, hiện nay đã hết pin không bật nguồn được.

- 01 (một) phong bì đã niêm phong bên trong có số tiền: 620.000đ (Sáu trăm hai mươi nghìn đồng), mặt sau có 01 (một) chữ không đọc được, 01 (một) dòng chữ Mã Viết Luật và 02 (hai) dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT Công an huyện N, tỉnh Bắc Kạn ở nơi giáp lại.

*(Tình trạng, số lượng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/6/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N).*

**3. Về án phí:** Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

**4. Quyền kháng cáo:** Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười năm ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- VKSND tỉnh;
- CA huyện;
- Trại tạm giam CA tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Hoàng Út Lệ**